

SỞ Y TẾ NINH BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1177/BVĐK-VTTBYT
V/v mời cung cấp báo giá
y dụng cụ lần 3

Ninh Bình, ngày 31 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm cơ sở tổ chức mua sắm y dụng cụ phục vụ hoạt động chuyên môn của Bệnh viện với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá

1. Tên đơn vị mời báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình;

Điện thoại: 02293 871 030.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Nhận bản giấy báo giá:

Các đơn vị gửi trực tiếp bản giấy báo giá hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát về địa chỉ sau đây (*ghi trên bao bì báo giá*):

Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình;

Điện thoại: 02293 871 030.

- Nhận bản scan màu qua email: vattudknb@gmail.com.

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: đến 17 giờ 00 phút ngày 15 / 8 /2025.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 120 ngày, kể từ ngày 15 / 8 /2025.

5. Thông tin liên hệ (nếu cần): bà Hoàng Thị Bích Diệp, phòng Vật tư - Thiết bị y tế, số điện thoại: 0986505541.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa mời báo giá

(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm)

Ghi chú:

- Các đơn vị có thể báo giá cho một hoặc một số hoặc toàn bộ các mặt hàng trong danh mục nêu trên (Bệnh viện dự kiến tổ chức đấu thầu theo lô, phần); mỗi mặt hàng, các đơn vị có thể chào nhiều model, cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cao thấp khác nhau.

- Các đơn vị chào đầy đủ, chi tiết các thông tin hàng hóa (theo hướng dẫn tại Phụ lục đính kèm) làm cơ sở để Bệnh viện tham khảo xây dựng cấu hình, yêu cầu kỹ thuật chi tiết của hàng hóa mời thầu.

- Trường hợp hàng hóa của đơn vị có một hoặc một số thông số, tiêu chí chưa đáp ứng theo yêu cầu báo giá (xấp xỉ với yêu cầu) thì đơn vị vẫn thực hiện chào giá, Bệnh viện sẽ xem xét sử dụng báo giá đó nếu vẫn đáp ứng yêu cầu chuyên môn của Bệnh viện.

- Một số hình ảnh hàng hóa trong danh mục chỉ mang tính minh họa.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng

- Tạm ứng: Theo quy định của pháp luật.

- Thanh toán: bằng chuyển khoản trong vòng 60 ngày sau khi hai bên ký biên bản bàn giao nghiệm thu đưa vào sử dụng và Bệnh viện đã nhận đầy đủ tài liệu, chứng từ, hóa đơn tài chính theo quy định.

4. Các thông tin khác

- Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 120 ngày.

- Thời gian bảo hành: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng không ít hơn 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Hàng hóa chào giá phải có đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật. (Đơn vị báo giá không phải đính kèm hồ sơ theo Báo giá).

- Mẫu báo giá: theo mẫu đính kèm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Phòng CTXH (để đăng tải);
- Lưu: VT, VT-TBYT, TCKT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Tuyên

MẪU BÁO GIÁ**ĐƠN VỊ BÁO GIÁ:****ĐỊA CHỈ:**.....**SỐ ĐIỆN THOẠI:****MÃ SỐ THUẾ:****BÁO GIÁ****Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình**

Trên cơ sở đề nghị báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình tại Công văn số/BVĐK-VTTBYT ngày tháng năm, chúng tôi [ghi tên của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên của các thành viên liên danh] báo giá cung cấp các thiết bị y tế như sau::

1. Danh mục báo giá

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	- Tên thiết bị: - Model: - Ký, mã, nhãn hiệu (nếu có): - Hãng sản xuất: - Xuất xứ: - Năm sản xuất: - Các tiêu chuẩn chất lượng (ISO, CE, FDA...): - Cấu hình: - Thông số kỹ thuật chi tiết: - Thời gian bảo hành: - Các thông tin khác (nếu có):				
...					
TỔNG CỘNG:					

Ghi chú:

- Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ, chi tiết thông tin theo yêu cầu tại Biểu trên và gửi kèm theo các tài liệu chứng minh, mô tả về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa (nếu có).

- Giá báo là giá đã bao gồm thuế, phí theo quy định của Nhà nước, chi phí vận chuyển, lắp đặt, đào tạo hướng dẫn sử dụng và bảo hành.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày / /2025.

3. Chúng tôi cam kết

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

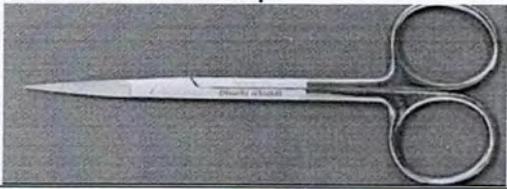
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

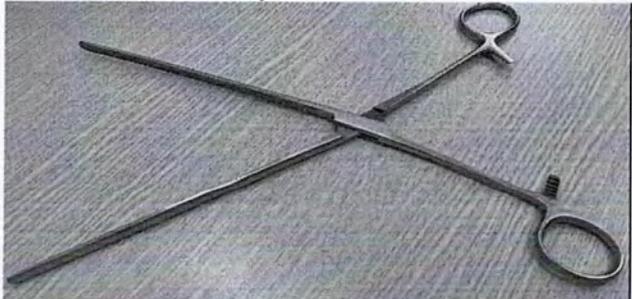
PHỤ LỤC 1: DANH MỤC Y DỤNG CỤ THÔNG THƯỜNG

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Kéo cắt chỉ	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng để cắt chỉ sau phẫu thuật chuyên khoa Mắt (chỉ 4/0-7/0) - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 10-12cm + Mũi thẳng, đầu nhọn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
2	Kéo cắt băng 16cm	Cái	33	<ul style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để cắt băng 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Dài 16cm\pm10% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa 
3	Kéo cắt chỉ 12cm	Cái	94	<ul style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để cắt chỉ 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu hợp kim - Dài 12cm \pm10%, mũi nhọn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa 
4	Kéo cong đầu tù nhỏ 16cm	Cái	3	<ul style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để cắt băng 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Dài 16cm \pm10%, đầu tù, loại cong Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				
5	Kéo cong nhọn 12cm	Cái	50	<p>1. Tính năng: Dùng trong phẫu thuật thủ thuật</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim - Dài 12cm $\pm 10\%$, mũi nhọn, loại cong <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>Hình ảnh minh họa</p> 
6	Kéo cong nhọn 16cm	Cái	50	<p>1. Tính năng: Dùng trong phẫu thuật thủ thuật</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim - Dài 16cm $\pm 10\%$, mũi nhọn, loại cong <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p>
7	Kéo phẫu tích đầu tù cong 14cm	Cái	3	<p>1. Tính năng: Dùng trong phẫu thuật thủ thuật</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim - Dài 14cm $\pm 10\%$, đầu tù, loại cong <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>Hình ảnh minh họa</p> 
8	Kéo thẳng 14cm	Cái	50	<p>1. Tính năng: Dùng để cắt trong y tế</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Dài 14cm $\pm 10\%$, loại thẳng, đầu tù nhỏ <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p>
9	Kéo thẳng đầu tù 18cm	Cái	50	<p>1. Tính năng: Dùng để cắt trong y tế</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p>

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Chất liệu thép không gỉ - Dài 18cm±10%, đầu tù nhỏ, loại thẳng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
10	Kéo thẳng nhọn 18cm	Cái	30	1. Tính năng: Dùng để cắt trong y tế 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Dài 18cm±10%, mũi nhọn, loại thẳng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
11	Kéo cắt băng, gạc thẳng, đầu tù (kéo mayo tù)	Chiếc	10	- Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế. - Yêu cầu kỹ thuật: + Chất liệu hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 20 cm ±5% + Loại cán tròn, đầu tù, lưỡi thẳng
12	Kẹp phẫu tích có máu 16cm	Cái	60	1. Tính năng: Dùng trong phẫu thuật thủ thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Dài 16cm±10%, loại có máu Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
13	Kẹp phẫu tích đầu nhỏ có máu 12cm	Cái	6	1. Tính năng: Dùng trong phẫu thuật thủ thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Dài 12cm ±10%, loại có máu, đầu nhỏ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
14	Kẹp phẫu tích đầu nhỏ có máu 14cm	Cái	6	1. Tính năng: Dùng trong phẫu thuật thủ thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Dài 14cm±10%, loại có máu, đầu nhỏ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
15	Kẹp phẫu tích đầu nhỏ không máu 14cm	Cái	6	1. Tính năng: Dùng trong phẫu thuật thủ thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Dài 14cm±10%, loại không có máu, đầu nhỏ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
16	Kẹp phẫu tích không máu 16cm	Cái	55	1. Tính năng: Dùng trong phẫu thuật thủ thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Dài 16cm±10%, loại không có máu Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
17	Kẹp phẫu tích không máu 18cm	Cái	26	1. Tính năng: Dùng trong phẫu thuật thủ thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Dài 18cm±10%, loại không có máu Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
18	Kẹp răng chuột	Cái	6	1. Tính năng: Dùng để kẹp giữ mô trong phẫu thuật thủ thuật

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Dài 14-16 cm, loại có răng <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa</p> 
19	Kẹp sãng 16cm	Cái	6	<p>1. Tính năng: Dùng để kẹp sãng trong phẫu thuật thủ thuật</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Dài 16cm±10%, mũi cong, nhọn <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa</p> 
20	Kẹp sãng	Chiếc	20	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế. - Yêu cầu kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 12 cm ±5% + Loại cán tròn có mẫu hãm, đầu có 2 mẫu nhọn, dùng để kẹp giữ sãng vải
21	Kẹp tim (pen tim)	Chiếc	10	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế. - Yêu cầu kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 25 cm ±5%, có răng
22	Panh cầm máu 22cm	Cái	100	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Cầm máu trong phẫu thuật - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: thép không gỉ + Kích thước: 22 cm + Cán tròn, mũi cong, Đầu nhám (bên trong có răng cưa)

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485
23	Panh cầm máu 25cm	Cái	100	- Tính năng: Cầm máu trong phẫu thuật - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: thép không gỉ + Kích thước: 25 cm + Cán tròn, mũi cong, Đầu nhám (bên trong có răng cưa) - Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485
24	Panh có máu	Cái	2	- Tính năng: Sử dụng để kẹp thân mộng trong phẫu thuật mộng. - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: thép không gỉ + Dài 10-14cm. + Loại cán tròn, thẳng, mũi nhỏ, có răng nhỏ đều. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
25	Panh Magrin	Cái	5	- Tính năng: Cầm máu trong phẫu thuật - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: thép không gỉ + Kích thước: 25 cm + Cán tròn, đầu cong, có lỗ tròn ở đầu - Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485
26	Panh thẳng 25cm	Cái	30	- Tính năng: Cầm máu trong phẫu thuật - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: thép không gỉ + Kích thước: 25 cm + Cán tròn, mũi thẳng, Đầu nhám (bên trong có răng cưa) - Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485
27	Panh kẹp bạch máu	Cái	2	- Tính năng: Sử dụng để kẹp bạch máu - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: thép không gỉ + Dài 27-30 cm + Loại thẳng, đầu tù, hàm cá sấu, đầu panh dài 15-16 cm. + Hàm có khóa dọc đến hết theo thân lưỡi panh - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa:
				

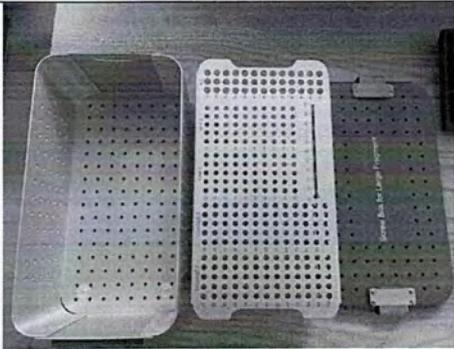
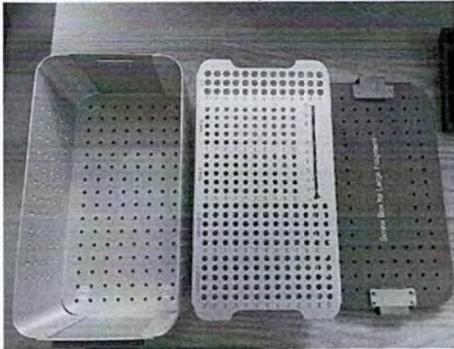
STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
28	Panh cầm máu 12cm	Cái	10	1. Tính năng: Dùng để kẹp cầm máu trong phẫu thuật thủ thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Dài 12-14cm
29	Panh cầm máu 16cm	Cái	40	1. Tính năng: Dùng để kẹp cầm máu trong phẫu thuật thủ thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu hợp kim - Dài 16cm±5%
30	Panh cầm máu đầu cong loại 21cm	Cái	5	1. Tính năng: Dùng để kẹp cầm máu trong phẫu thuật thủ thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại cong dài 20-22cm
31	Panh cong 12cm	Cái	18	1. Tính năng: Dùng để kẹp cầm máu trong phẫu thuật thủ thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại cong dài 12cm±5%
32	Panh cong 14cm	Cái	12	1. Tính năng: Dùng để kẹp cầm máu trong phẫu thuật thủ thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại cong dài 14cm±5%
33	Panh cong không máu 16cm	Cái	3	1. Tính năng: Dùng để kẹp bông còn 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại cong, không máu, dài 16cm ±5%
34	Panh cong không máu 18cm	Cái	11	1. Tính năng: Dùng để kẹp bông còn 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại cong, không máu, dài 18cm±5%
35	Panh thẳng có máu 16cm	Cái	20	1. Tính năng: Dùng để kẹp bông còn 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại thẳng, có máu, dài 16cm±5%
36	Panh thẳng có máu 18cm	Cái	15	1. Tính năng: Dùng để kẹp bông còn 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại thẳng có máu dài 18cm±5%
37	Panh thẳng không máu 16cm	Cái	60	1. Tính năng: Dùng để kẹp bông còn 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại thẳng, không máu, dài 16cm±5%

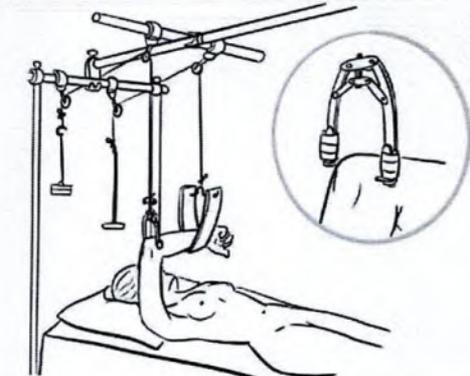
STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
38	Panh thẳng không máu 18cm	Cái	123	<p>1. Tính năng: Dùng để kẹp bông còn</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Loại thẳng không máu dài 18cm±5%
39	Curet (nạo tổn thương da)	Cái	5	<p>- Tính năng: Sử dụng nạo tổn thương ở da</p> <p>- Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ + Kích thước: Dài 14-18 cm, Loại thẳng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 <p>Hình ảnh minh họa:</p> 
40	Thìa nạo	Cái	3	<p>1. Tính năng: Dùng để nạo ổ viêm</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Dài 18cm±1cm
41	Móc lác	Cái	2	<p>- Tính năng: Sử dụng để móc cơ, tổ chức, bộc lộ phẫu trường.</p> <p>- Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: thép không gỉ. + Dài 10-14cm + Có đầu móc tròn, gập góc vuông, nhẵn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
42	Thìa múc nội nhãn thẳng	Cái	2	<p>- Tính năng: Sử dụng để lấy bỏ các tổ chức nội nhãn trong phẫu thuật múc nội nhãn.</p> <p>- Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: thép không gỉ + Dài 10-14cm + Cán thẳng, đầu hình thìa tròn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
43	Farabeuf 16cm	Cái	10	<p>- Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế.</p> <p>- Yêu cầu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: thép không gỉ + Dài 16 cm ± 10% <p>Loại 2 đầu</p>
44	Farabeuf phẫu thuật 2 đầu	Cái	8	<p>- Tính năng: Dùng để giữ mô mềm, cơ, hoặc da mở ra trong phẫu thuật, thủ thuật y tế.</p> <p>- Yêu cầu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: thép không gỉ + Dài 15 cm ± 10% + Loại 2 đầu uốn góc 90°

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
45	Banh vết mổ Farabueff	Chiếc	10	- Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế. - Yêu cầu kỹ thuật: + Chất liệu hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 12-1 cm \pm 5% Loại 2 đầu
46	Ba lông oxy	Cái	85	1. Tính năng: dùng để đựng khí oxy 2. Yêu cầu kỹ thuật - Dung tích: \geq 20 lít - Loại túi, chất liệu: bố vải chịu lực Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
47	Bàn chải phẫu thuật	Cái	20	1. Tính năng: dùng để vệ sinh tay, vệ sinh dụng cụ phẫu thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Loại cước mềm
48	Cán dao số 3	Cái	13	1. Tính năng: Dùng trong phẫu thuật, thủ thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu hợp kim - Loại số 3 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
49	Cán dao số 4	Cái	47	1. Tính năng: Dùng trong phẫu thuật, thủ thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu hợp kim - Loại số 4 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
50	Móc treo túi nước tiểu	Cái	80	1. Tính năng: Dùng để móc vào giường treo túi nước tiểu 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại móc đôi (treo được đồng thời túi nước tiểu và túi dịch)
51	Kìm vuốt máu	Cái	5	- Dụng cụ chuyên dùng để vuốt dây túi máu - Vật liệu: Kim loại không gỉ hoặc mạ crom-niken - Có chức năng chống trượt - Tay cầm có thể xoay được - Đạt chứng chỉ ISO 13485.

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC DỤNG CỤ CHẨN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH

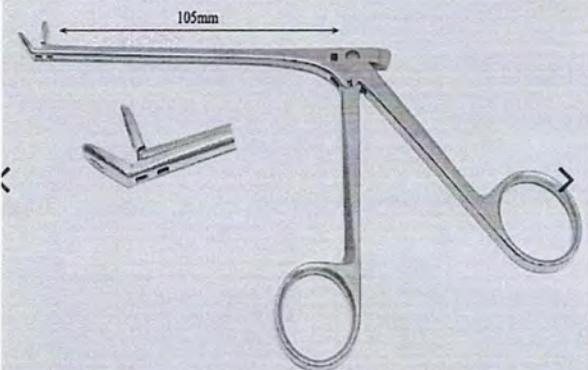
STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Curet (nạo xương)	Cái	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: sử dụng để nạo xương - Curet loại 2 đầu. Kích thước: dài 15-17 cm - Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Hình ảnh minh họa 
2	Gu gặm xương đầu bé	Cái	15	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: dùng để gặm xương trong phẫu thuật thủ thuật - Loại Gu gặm xương nhỏ (xương đầu ngón tay, ngón chân), dùng bằng nguyên lý cộng lực, loại đầu cong. - Kích thước: Dài 18-20cm - Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa 
3	Hộp hấp nẹp Vít chi dưới	Cái	6	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: dùng để đựng, hấp nẹp vít chấn thương - Thông số kỹ thuật + Kích thước: (D*R*C): $\geq 28 \times 15 \times 11$ cm + Chất liệu: Hợp kim nhôm + Các mặt dạng lưới có các lỗ (có nhiều cỡ khác nhau) để cắm vít. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				
4	Hộp hấp nẹp vít chi trên	Cái	6	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: dùng để đựng, hấp nẹp vít chấn thương - Thông số kỹ thuật + Kích thước: (D*R*C): $\geq 30 \times 15 \times 8$ cm + Chất liệu: Hộp kim nhôm + Các mặt dạng lưới có các lỗ (có nhiều cỡ khác nhau) để cắm vít. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 <p>Hình ảnh minh họa</p> 
5	Kìm khâu chỉ thép	Cái	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng để kẹp khâu chỉ thép trong phẫu thuật - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: thép không gỉ + Kích thước 20-22 cm + Tương thích với chỉ thép số 7 - Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485
6	Kìm vặn chỉ thép	Cái	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng để buộc chỉ thép trong phẫu thuật - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: thép không gỉ + Kích thước: 18-20 cm + Tương thích với chỉ thép số 7 - Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485
7	Túp nơ vít 3.5	Cái	20	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Cắm vít trong phẫu thuật - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: inox, cán nhựa hoặc gỗ + Kích thước: 20-22 cm + Cắm đc với vít có đường kính 3.5 mm - Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
8	Túp nơ vít 4.5	Cái	20	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Cắm vít trong phẫu thuật - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: inox, cán nhựa hoặc gỗ + Kích thước: 20-22 cm + Cắm đc với vít có đường kính 4.5 mm - Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485
9	Lưỡi cưa rung phá bột	Cái	10	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: 2. Yêu cầu kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ vòng quay: 12750-17250 lần/ phút - Độ âm: 63 Db - Công suất: 125W - Nguồn điện: 220-240V, 50'60Hz - Kích thước: 260*60*53mm - Trọng lượng: 1.35k
10	Móng ngựa	Cái	5	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để kéo tạ trong phẫu thuật xương trong chấn thương 2. Yêu cầu kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không rỉ SUS304 - Có khóa cố định vào đinh Steinmann chống trượt. - Có kèm dây thừng nilon để buộc vào tạ kéo <p>Hình ảnh minh họa</p> 
11	Móc treo tạ	Cái	5	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để treo tạ 2. Yêu cầu kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - 1 đầu cong móc đc vào dây kéo, 1 đầu có đế lắp tạ
12	Tạ treo 1kg	Cái	30	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để lắp móc treo vào hệ thống ròng rọc trong điều trị chấn thương 2. Yêu cầu kỹ thuật <p>Loại tạ 1kg có rãnh lắp vào móc treo</p>

PHỤ LỤC 3: DANH MỤC DỤNG CỤ CHUYÊN KHOA TẠI MŨI HỌNG

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Dao khủy vi phẫu tai	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng trong vi phẫu tai - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: thép không gỉ + Dài 14-16cm + Loại lưỡi liềm, mũi nhọn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
2	Foccep vi phẫu tai cỡ 0,8x4mm	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng trong vi phẫu tai. - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ + Chiều dài làm việc 7-9cm + Tay cầm từ 7-9cm, cán tròn + Đầu tù, hàm dài 4mm, có răng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 <p>Hình ảnh minh họa:</p> 
3	Foccep vi phẫu tai cỡ 0,8x7mm	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng trong vi phẫu tai. - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ + Chiều dài làm việc 7-9cm + Tay cầm từ 7-9cm, cán tròn + Đầu tù, hàm dài 7mm $\pm 5\%$, có răng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
4	Ống hút tai các loại	Cái	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng hút tai - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: thép không gỉ. + Chiều dài làm việc 7-10cm + Loại cong, 1 nòng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
5	Panh 45°	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật cho tai mũi họng. - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài làm việc 10-12cm + Tay cầm từ 8-10cm, cán tròn + Đầu tròn, hình hạt gạo có lỗ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 <p>Hình ảnh minh họa:</p>

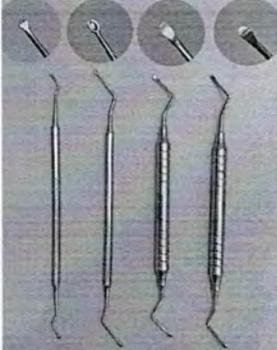
STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				
6	Panh lấy dị vật hạ họng khuyết đầu	Cái	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng để kẹp lấy dị vật ở họng. - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: thép không gỉ + Dài 20-22cm + Loại cong, đầu tù có lỗ, hàm trong nhám. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
7	Kéo vi phẫu tai 4mm	Cái	1	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để cắt mô mềm, niêm mạc, màng nhĩ hoặc các cấu trúc tinh vi trong vùng tai giữa trong phẫu thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim - Dài 10-12cm, có tay cầm, chiều dài lưỡi cắt 4mm, đầu nhọn. <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p>
8	Mở mũi	Cái	30	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để banh rộng lỗ mũi 2. Yêu cầu kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Gồm 2 lưỡi banh cong nhẹ, bản dẹt - Đầu lưỡi banh: Bo tròn, không sắc - Kích thước lưỡi banh: dài khoảng 3-5 cm. <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>Hình ảnh minh họa</p> 

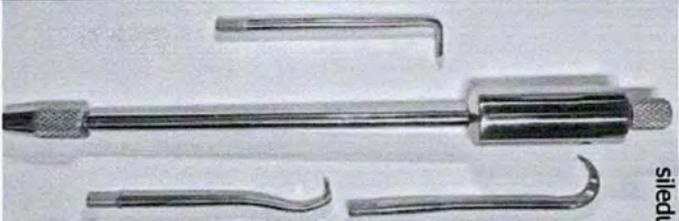
PHỤ LỤC 4: DANH MỤC DỤNG CỤ CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Túp nơ vít răng hàm mặt	Cái	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Cắm vít trong phẫu thuật - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: inox, cán nhựa hoặc gỗ + Kích thước: 15-18 cm + Cắm đc với vít có đường kính 2.0mm - Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485
2	Bộ bẫy (RHM)	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng trong thủ thuật dành cho răng - Chất liệu: Inox - Thành phần bao gồm: + 01 bẫy thẳng lưỡi 2mm + 01 bẫy thẳng lưỡi 2,5mm + 01 bẫy thẳng lưỡi 3mm + 01 bẫy thẳng lưỡi 4mm + 01 bẫy khuỷu phải lưỡi 2mm + 01 bẫy khuỷu phải lưỡi 3mm + 01 bẫy khuỷu trái lưỡi 2mm + 01 bẫy khuỷu trái lưỡi 3mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
3	Bẫy khuỷu phải 3mm mỏng	Cái	2	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để bẫy chân răng 2. Yêu cầu kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Loại bẫy cong, dùng cho hàm bên phải, đầu 3mm, đầu mũi mỏng <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>Hình ảnh minh họa</p> 
4	Bẫy khuỷu trái 3mm, mỏng	Cái	2	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để bẫy chân răng 2. Yêu cầu kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Loại bẫy cong, dùng cho hàm bên trái, đầu 3mm, đầu mũi mỏng <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>Hình ảnh minh họa</p> 
5	Bẫy lòng máng to	Cái	10	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để bẫy chân răng 2. Yêu cầu kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Loại thẳng, đầu có lòng máng 5mm <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>Hình ảnh minh họa</p>

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				
6	Bây lòng máng vừa	Cái	10	<p>1. Tính năng: Dùng để bẩy chân răng</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Loại thẳng, đầu có lòng máng 3mm <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p>
7	Bây rootip (Bây chân răng)	Bộ	1	<p>1. Tính năng: Dùng để bẩy chân răng</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Thành phần: bao gồm 4 chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> + 01 bẩy thẳng, nhọn + 01 bẩy trái, cong, nhọn + 01 bẩy phải, cong, nhọn + 01 bẩy có 02 đầu, cong <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>Hình ảnh minh họa:</p> 
8	Bây thẳng 2mm, mỏng	Cái	3	<p>1. Tính năng: Dùng để bẩy chân răng</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Loại thẳng, đầu có rãnh 2mm, đầu mũi mỏng <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p>
9	Bây thẳng 3mm, dày	Cái	2	<p>1. Tính năng: Dùng để bẩy chân răng</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Loại thẳng, đầu có rãnh 3mm, đầu mũi dày <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p>
10	Bây thẳng 3mm, mỏng	Cái	3	<p>1. Tính năng: Dùng để bẩy chân răng</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Loại thẳng, đầu có rãnh 3mm, đầu mũi mỏng <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p>
11	Bây thẳng 5mm, mỏng	Cái	3	<p>1. Tính năng: Dùng để bẩy chân răng</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ

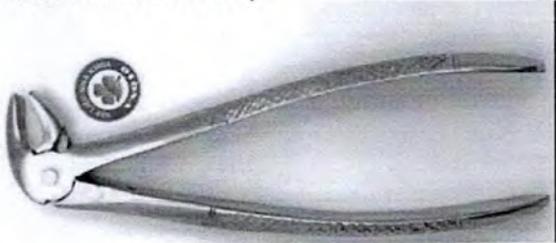
STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Loại thẳng, đầu có rãnh 5mm, đầu mũi mỏng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
12	Bóc tách 2 đầu dài 16cm	Cái	20	1. Tính năng: Dùng trong phẫu thuật thủ thuật răng hàm mặt 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: 16cm ± 10%, - Tay cầm có vân hoặc thiết kế chống trơn trượt - Loại 2 đầu, 1 đầu nhọn nhỏ cứng, 1 đầu tù, cong nhẹ, bản rộng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa 
13	Cây bóc tách	Cái	4	1. Tính năng: Dùng trong phẫu thuật thủ thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại 2 đầu có các hình dáng như hình ảnh minh họa Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa 
14	Cây đặt chỉ (Cây nhét chỉ co nướu)	Cái	2	1. Tính năng: Dùng để đặt chỉ co lợi trong thủ thuật phục hình răng 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại 2 đầu, 1 đầu tròn có răng cưa Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
15	Cây đo túi	Cái	2	1. Tính năng: Dùng để đo chiều dài túi lợi 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại đầu thẳng, có các vạch đo khắc rõ ràng đánh dấu theo mỗi 1mm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
16	Cây nạo ngà	Cái	4	1. Tính năng: Dùng để đo chiều dài túi lợi 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại 02 đầu, có các hình dáng đầu như hình ảnh minh họa Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa

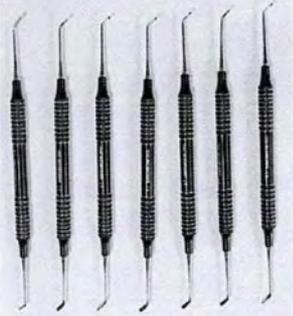
STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				
17	Nạo Ngà dài 16cm	Cái	5	<p>1. Tính năng: Dùng để lấy bỏ mô ngà bị sâu trong điều trị nha khoa</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Chiều dài 16cm±10% - Loại 2 đầu đối xứng, đầu tròn có răng cưa - Tay cầm ở giữa, có vân hoặc thiết kế chống trơn <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>Hình ảnh minh họa</p> 
18	Dụng cụ trám Composite đa năng	Cái	2	<p>1. Tính năng: Dùng để trám Composite phục hình răng</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Có các loại: <ul style="list-style-type: none"> + Loại có 1 đầu dẹt bề góc, + Loại có 1 đầu nhồi kèm bi tròn để đặt, nhồi, làm láng composite cho mặt nhai. <p>Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485</p> <p>Hình ảnh minh họa</p> 
19	Giặt chụp kim loại	Cái	2	<p>1. Tính năng: Dùng để tháo mào răng kim loại, cầu răng và chụp răng tạm trong phục hình răng</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Thành phần bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + 01 thân chính: có chốt hoặc ren tháo lắp đầu + 03 đầu tháo rời có các loại: Đầu vuông góc, đầu gập có góc vuông, đầu hình lưỡi liềm <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>Hình ảnh minh họa</p>

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				
20	Kìm 150 (Kìm đa năng)	Cái	2	<p>1. Tính năng: Dùng để nhổ răng hàm trên (răng số 6,7)</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Tay cầm có vân hoặc thiết kế chống trượt - Đầu kìm cong nhẹ - Có thể hấp tiệt trùng ở 134 độ <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>Hình ảnh minh họa</p> 
21	Kìm chân răng 4,5 hàm trên	Cái	3	<p>1. Tính năng: Dùng để nhổ chân răng số 4,5 ở hàm trên</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Hai ngàm ôm sát cổ răng; Bề mặt trong của ngàm có vân chống trượt - Tay cầm có vân hoặc thiết kế chống trượt - Có thể hấp tiệt trùng ở 134 độ <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>Hình ảnh minh họa</p> 

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
22	Kìm chân răng 6,7 (Răng hàm lớn) hàm trên	Cái	2	<p>1. Tính năng: Dùng để nhổ chân răng số 6,7 hàm trên</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Tay cầm có vân hoặc thiết kế chống trượt - Đầu hơi cong; Đầu ngàm có: 1 bên có gai nhọn, 1 bên dẹt hoặc cong - Có thể hấp tiệt trùng ở 134 độ <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa</p> 
23	Kìm chân răng 8 hàm trên, dưới	Cái	2	<p>1. Tính năng: Dùng để nhổ chân răng số 8</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Tay cầm có vân hoặc thiết kế chống trượt - Có thể hấp tiệt trùng ở 134 độ - Đầu cong sâu - Ngàm có vân chống trượt <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa</p> 
24	Kìm chân răng cửa dưới	Cái	2	<p>1. Tính năng: Dùng để nhổ chân răng số 4,5 hàm dưới</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Tay cầm có vân hoặc thiết kế chống trượt - Có thể hấp tiệt trùng ở 134 độ - Hai ngạnh kìm song song hoặc hơi chụm lại - Bề mặt ngàm bên trong nhẵn hoặc có khía nhẹ <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa</p>

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				
25	Kim chân răng cửa trên	Cái	2	<p>1. Tính năng: Dùng để nhổ chân răng số 4,5 hàm trên</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Tay cầm có vân hoặc thiết kế chống trượt - Có thể hấp tiệt trùng ở 134 độ - Đầu kim thẳng, hai ngạnh mỏng và thuôn - Ngàm kim có thể có khóa nhẹ hoặc nhấn <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>Hình ảnh minh họa</p> 
26	Kim mang kim 16cm	Cái	23	<p>1. Tính năng: Dùng để giữ kim khâu trong phẫu thuật</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim - Dài 16cm, thẳng mũi nhỏ <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p>
27	Kim răng 6,7 hàm trên	Cái	2	<p>1. Tính năng: Dùng để nhổ răng số 6,7 hàm trên</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Tay cầm có vân hoặc thiết kế chống trượt - Có thể hấp tiệt trùng ở 134 độ - Đầu kim cong theo cấu trúc giải phẫu của răng hàm trên - Hai ngạnh có rãnh sâu hoặc đầu dạng mỏ quạ, thiết kế đối xứng (1 kim trái và 1 kim phải) <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>Hình ảnh minh họa</p>

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				
28	Kìm răng 8 hàm dưới	Cái	3	<p>1. Tính năng: Dùng để nhổ răng số 8 hàm dưới</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Tay cầm có vân hoặc thiết kế chống trượt - Có thể hấp tiệt trùng ở 134 độ - Đầu kìm gấp 90 độ - Hai ngạnh đầu kìm vát mỏng - Bên trong ngàm có khía nhẹ hoặc rãnh nông <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa</p> 
29	Kìm răng cửa dưới	Cái	3	<p>1. Tính năng: Dùng để nhổ răng số 1,2,3 hàm dưới</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Tay cầm có vân hoặc thiết kế chống trượt - Có thể hấp tiệt trùng ở 134 độ - Đầu kìm gấp 90 độ - Hai ngạnh thiết kế ôm sát cổ răng - Bề mặt trong ngàm có rãnh hoặc khía nhẹ <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa</p> 
30	Kìm răng cửa trên	Cái	3	<p>1. Tính năng: Dùng để nhổ răng số 1,2,3 hàm trên</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> - Tay cầm có vân hoặc thiết kế chống trượt - Có thể hấp tiệt trùng ở 134 độ - Đầu kim thẳng - Hai ngành mảnh, mỏng, thuôn ôm sát cổ răng - Mặt trong có khía nhẹ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa 
31	Tay khoan thẳng	Cái	30	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật răng hàm mặt - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: thép không gỉ hoặc inox + Cầm được các loại mũi khoan có đường kính 2.0 mm, mũi khoan dài 6-8mm + Loại thẳng - Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485
32	Que hàn (cây nhồi hàn răng)	Cái	20	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để nén, nhồi vật liệu hàn vào xoang trám sau khi làm sạch và tạo hình răng. 2. Yêu cầu kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Loại hai đầu, 1 đầu nhồi, 1 đầu tạo hình múi răng - Đầu nhồi hình tròn - Đầu tạo hình dẹt Hình ảnh minh họa 
33	Quizet (nạo huyết ổ răng)	Cái	2	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để nạo mô hạt, mô viêm, mô hoại tử trong ổ răng sau nhổ 2. Yêu cầu kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Loại 2 đầu, gập góc - Đầu nạo hình muỗng tròn hoặc bầu dục, mép mỏng và hơi sắc - Có thể hấp tiệt trùng ở 134 độ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
34	Mặt gương	Cái	50	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để soi và quan sát khoang miệng

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				2. Yêu cầu kỹ thuật - Mặt gương làm bằng kính phản chiếu hoặc thủy tinh quang học - Gương tròn, bề mặt phẳng - Mặt sau có ren xoáy gắn được vào cán gương - Đường kính 22-24 mm
35	Bộ khám nha khoa	Bộ	20	1. Tính năng: Dùng để khám nha khoa 2. Yêu cầu kỹ thuật - Thành phần 01 bộ bao gồm: + Gương: 01 cái: * Dùng để soi và quan sát khoang miệng * Loại có cán bằng thép không gỉ; * Mặt gương phẳng, lắp ráp với cán bằng ren + Thăm châm: 01 cái: * Dùng để phát hiện lỗ sâu, mảng bám, cao răng, khe hở kẽ răng; Kiểm tra độ nhạy cảm ngà, dò lỗ tủy; * Chất liệu thép không gỉ, loại 2 đầu, 01 đầu nhọn, 01 đầu cong gập + Prexen (kẹp gấp): * Dùng để gấp các vật thể trong khoang miệng * Chất liệu thép không gỉ * Đầu cong, nhám Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa 

PHỤ LỤC 5: DANH MỤC HÀNG HÓA CHUYÊN KHOA PHỤ SẢN

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Kìm bấm sinh thiết cổ tử cung	Cái	5	1. Tính năng: Dùng để lấy mẫu mô cổ tử cung trong quy trình sinh thiết 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại dài 24cm 01 cái; - Loại dài 20cm 04 cái Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
2	Mỏ vịt	Cái	45	1. Tính năng: Dùng để mở âm đạo trong sản phụ khoa 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Size (cỡ) S: 22 cái; - Size (cỡ) M: 23 cái Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
3	Panh sát khuẩn âm đạo	Cái	40	1. Tính năng: Dùng để gấp, giữ bông sát khuẩn cổ tử cung và âm đạo 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: 30 cm±5% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
4	Bộ dụng cụ nạo niêm mạc cổ tử cung, mỗi bộ gồm	Bộ	2	
4.1	Hộp CN inox	Cái	1	1. Tính năng: Dùng để đựng dụng cụ sát khuẩn 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu: inox 304 - Kích thước: (D35 x R20x C10)cm
4.2	Van âm đạo	Cái	2	1. Tính năng: Dùng để mở và giữ thành âm đạo 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: (D30 x R3,5)cm
4.3	Panh sát khuẩn âm đạo (Panh kẹp thuốc sản - đầu rắn)	Cái	1	1. Tính năng: Dùng để gấp, giữ bông sát khuẩn cổ tử cung và âm đạo 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: 30 cm - Loại đầu rắn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
4.4	Thước đo buồng tử cung	Cái	1	1. Tính năng: Dùng để đo buồng tử cung 2. Yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: 25 cm
4.5	Bộ nong cổ tử cung (14 chi tiết)	Bộ	1	1. Tính năng: Dùng để nong cổ tử cung 2. Yêu cầu kỹ thuật - Gồm 14 chi tiết - Đủ các số - Chất liệu thép không gỉ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
4.6	Thìa nạo cửa sổ cỡ nhỏ	Cái	1	1. Tính năng: Dùng để nạo buồng tử cung, lấy mô bệnh lý, hoặc xử lý các trường hợp thai lưu, rong kinh, nhau sót... trong sản – phụ khoa. 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại đầu rộng - Kích thước: Đầu 3mm x Cán 25cm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
4.7	Thìa nạo đặc (cỡ nhỏ, cỡ trung; cỡ lớn)	Cái	3	1. Tính năng: Dùng để nạo buồng tử cung, lấy mô bệnh lý, hoặc xử lý các trường hợp thai lưu, rong kinh, nhau sót... trong sản – phụ khoa 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại đầu đặc - Gồm 3 cỡ: nhỏ, trung và lớn (mỗi cỡ 01 cái) - Kích thước cán: 25cm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
4.8	Kim kẹp cổ tử cung	Cái	1	- Tính năng: Sử dụng để kẹp cổ tử cung cố định, nạo niêm mạc và hút niêm mạc buồng tử cung - Yêu cầu kỹ thuật cơ bản: + Chất liệu thép không gỉ + Kích thước: D24cm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
4.9	Kim kẹp hình tim	Cái	1	1. Tính năng: Dùng để kẹp cổ tử cung 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: D24cm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
5	Bộ đỡ đẻ, cắt, khâu tầng sinh môn, mỗi bộ gồm	Bộ	2	
5.1	Hộp CN inox	Cái	1	1. Tính năng: Dùng để đựng dụng cụ 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu inox 304 - Kích thước: (D20 x R15x C5)cm±5%

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
5.2	Panh thẳng có máu	Cái	2	1. Tính năng: Dùng để kẹp bông cotton 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại thẳng dài 18cm±5%
5.3	Kéo thẳng 2 đầu tù	Cái	1	1. Tính năng: Dùng để cắt tầng sinh môn 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Dài 18cm ±5% - Loại thẳng, hai đầu tù Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
5.4	Kim mang kim	Cái	1	1. Tính năng: Dùng để giữ kim khâu trong phẫu thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Dài 18cm ±5% - Loại thẳng, mũi nhỏ
5.5	Phẫu tích không máu, đầu thuôn nhỏ	Cái	1	1. Tính năng: Dùng để kẹp mô da 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Dài 18cm ±5%, không máu, đầu thuôn nhỏ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
5.6	Phẫu tích có máu, đầu thuôn nhỏ	Cái	1	1. Tính năng: Dùng để kẹp mô da 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Dài 18cm ±5%, có máu, đầu thuôn nhỏ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
5.7	Cán dao mổ	Cái	1	1. Tính năng: Dùng để gắn lưỡi dao phẫu thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ - Loại số 3

PHỤ LỤC 6: DANH MỤC DỤNG CỤ HỒI SỨC TÍCH CỰC

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Bộ dụng cụ mở khí quản	Bộ	2	<p>01 Bộ bao gồm các chi tiết sau:</p> <p>1. Panh 3 càng: 01 cái + Dùng để mở khí quản + Chiều dài: 14cm ±10% + Chất liệu: thép không gỉ + Loại 3 càng Hình ảnh minh họa</p>  <p>2. Farabeurf 10 cm: 02 cái + Dùng để giữ mô mềm, cơ, hoặc da mở ra trong phẫu thuật, thủ thuật + Chiều dài: 10cm ±10% + Chất liệu: thép không gỉ + Loại 2 đầu uốn góc 90°</p> <p>3. Cán dao to: 01 cái + Dùng để gắn lưỡi dao phẫu thuật, dùng để cắt mô, da, mạc... + Loại số 4 + Chất liệu: thép không gỉ</p> <p>4. Cán dao nhỏ: 01 cái + Dùng để gắn lưỡi dao phẫu thuật, dùng để cắt mô, da, mạc... + Loại số 3 + Chất liệu: thép không gỉ</p> <p>5. Kim mang kim 18cm: 01 cái + Dùng để giữ và điều khiển kim phẫu thuật khi khâu + Chất liệu: thép không gỉ hoặc hợp kim + Chiều dài 18cm±10%; loại thẳng, dùng cho chỉ không tiêu liên kim 3/0.</p> <p>6. Panh cong không máu 16cm: 01 cái + Dùng để kẹp mô mềm, kẹp mạch máu nhỏ, giữ gạc hoặc kiểm soát chảy máu nhẹ + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài 16cm±10%; loại cong, không có máu</p>

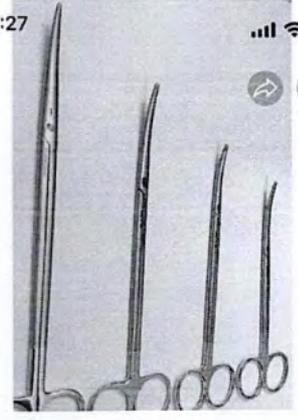
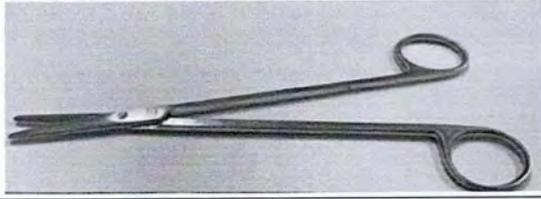
STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<p>7. Kẹp phẫu tích không máu 16cm: 01 cái + Dùng để kẹp mô mềm, giữ gạc, hỗ trợ khâu hoặc bóc tách mô trong phẫu thuật, thủ thuật + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: 16cm±10%; không máu</p> <p>8. Kẹp phẫu tích có máu 16cm: 01 cái + Dùng để giữ mô chắc chắn (da, gân, mô dày), hỗ trợ khâu, bóc tách trong phẫu thuật, thủ thuật + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: 16cm±10%; có máu</p> <p>9. Kéo cong đầu nhỏ 18cm: 01 cái + Dùng để cắt mô trong phẫu thuật thủ thuật + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: 18cm±10%; Loại cong, đầu nhọn</p> <p>10. Kéo thẳng đầu nhỏ 18cm: 01 cái + Dùng để cắt mô trong phẫu thuật thủ thuật + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: 18cm±10%; Loại thẳng, đầu nhọn</p> <p>11. Panh cong không máu 18cm: 02 cái + Dùng để kẹp mô mềm, kẹp mạch máu nhỏ, giữ gạc hoặc kiểm soát chảy máu nhẹ + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: 18cm±10%; Loại cong, không máu</p> <p>12. Panh thẳng không máu 18cm: 01 cái + Dùng để kẹp mô mềm, kẹp mạch máu nhỏ, giữ gạc hoặc kiểm soát chảy máu nhẹ + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: 18cm±10%; Loại thẳng, không máu</p> <p>13. Kim kẹp sãng 14cm: 01 cái + Dùng để kẹp sãng mỡ trong phẫu thuật thủ thuật + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: 14cm±10%</p> <p>14. Cốc inox: 02 cái + Dùng để chứa dung dịch, vật tư... trong các thủ thuật y tế + Chất liệu: inox không gỉ + Hình trụ tròn, đường kính 7cm ±10%, cao 7cm ±10%.</p> <p>15. Khay quả đậu: 01 cái + Dùng để đựng dụng cụ phẫu thuật, chất lỏng, vật tư y tế + Chất liệu inox 304 không gỉ, không nhiễm từ + Cao 2cm, hình quả đậu</p> <p>16. Khay CN inox: 01 cái + Dùng để đựng dụng cụ y tế + Chất liệu inox 304 không gỉ.</p>

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				+ Kích thước: D32xR22xC2-3cm ±5%
2	Bộ dụng cụ mở màng phổi	Bộ	2	<p>01 bộ bao gồm các chi tiết sau:</p> <p>1. Kim trocar: 01 cái + Dùng để dẫn lưu dịch, máu hoặc khí khỏi khoang màng phổi. + Gồm ống dẫn lưu, đầu trocar và van chống trào ngược + Đầu trocar nhọn hình mũi lao, chất liệu thép không gỉ + Ống dẫn lưu tương thích đầu trocar, chất liệu nhựa y tế + Đường kính 36Fr (12mm)</p> <p>2. Farabeuf 12cm: 02 cái + Dùng để giữ mô mềm, cơ, hoặc da mở ra trong phẫu thuật, thủ thuật + Chiều dài: 12cm ±10% + Chất liệu: thép không gỉ + Loại 2 đầu uốn góc 90°</p> <p>3. Cán dao to: 01 cái + Dùng để gắn lưỡi dao phẫu thuật, dùng để cắt mô, da, mạc... + Loại số 4 + Chất liệu: thép không gỉ</p> <p>4. Cán dao nhỏ: 01 cái + Dùng để gắn lưỡi dao phẫu thuật, dùng để cắt mô, da, mạc... + Loại số 3 + Chất liệu: thép không gỉ</p> <p>5. Kìm mang kim 18cm: 01 cái + Dùng để giữ và điều khiển kim phẫu thuật khi khâu + Chất liệu: thép không gỉ hoặc hợp kim + Chiều dài 18cm±10%; loại thẳng, dùng cho chỉ không tiêu liên kim 3/0.</p> <p>6. Panh cong không máu 16cm: 02 cái + Dùng để kẹp mô mềm, kẹp mạch máu nhỏ, giữ gạc hoặc kiểm soát chảy máu nhẹ + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài 16cm±10%; loại cong, không có máu</p> <p>7. Panh thẳng không máu 18cm: 01 cái + Dùng để kẹp mô mềm, kẹp mạch máu nhỏ, giữ gạc hoặc kiểm soát chảy máu nhẹ + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài 18cm±10%; loại thẳng, không có máu</p> <p>8. Kẹp phẫu tích không máu 16cm: 01 cái</p>

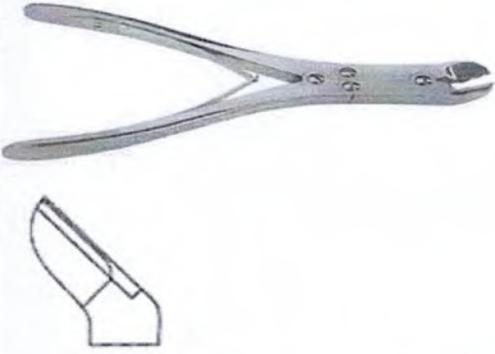
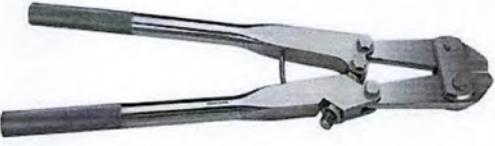
STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<p>+ Dùng để kẹp mô mềm, giữ gạc, hỗ trợ khâu hoặc bóc tách mô trong phẫu thuật, thủ thuật</p> <p>+ Chất liệu: thép không gỉ</p> <p>+ Chiều dài: 16cm±10%; không máu</p> <p>9. Kẹp phẫu tích có máu 16cm: 01 cái</p> <p>+ Dùng để giữ mô chắc chắn (da, gân, mô dày), hỗ trợ khâu, bóc tách trong phẫu thuật, thủ thuật</p> <p>+ Chất liệu: thép không gỉ</p> <p>+ Chiều dài: 16cm±10%; có máu</p> <p>10. Kéo cong đầu nhỏ 18cm: 01 cái</p> <p>+ Dùng để cắt mô trong phẫu thuật thủ thuật</p> <p>+ Chất liệu: thép không gỉ</p> <p>+ Chiều dài: 18cm±10%; Loại cong, đầu nhọn</p> <p>11. Cốc inox: 02 cái</p> <p>+ Dùng để chứa dung dịch, vật tư... trong các thủ thuật y tế</p> <p>+ Chất liệu: inox không gỉ</p> <p>+ Hình trụ tròn, đường kính 7cm ±10%, cao 7cm ±10%.</p> <p>12. Khay quả đậu: 01 cái</p> <p>+ Dùng để đựng dụng cụ phẫu thuật, chất lỏng, vật tư y tế</p> <p>+ Chất liệu inox 304 không gỉ, không nhiễm từ</p> <p>+ Cao 2cm, hình quả đậu</p> <p>13. Khay CN inox: 01 cái</p> <p>+ Dùng để đựng dụng cụ y tế</p> <p>+ Chất liệu inox 304 không gỉ.</p> <p>+ Kích thước: D32xR22xC3cm ±5%</p>
3	Bộ dụng cụ chăm sóc	Bộ	70	<p>01 bộ bao gồm các chi tiết sau:</p> <p>1. Panh thẳng không máu 18cm: 01 cái</p> <p>+ Dùng để kẹp mô mềm, kẹp mạch máu nhỏ, giữ gạc hoặc kiểm soát chảy máu nhẹ</p> <p>+ Chất liệu: thép không gỉ</p> <p>+ Chiều dài 18cm±10%; loại thẳng, không có máu</p> <p>2. Panh thẳng có máu 18cm: 01 cái</p> <p>+ Dùng để kẹp mô mềm, kẹp mạch máu nhỏ, giữ gạc hoặc kiểm soát chảy máu nhẹ</p> <p>+ Chất liệu: thép không gỉ</p> <p>+ Chiều dài 18cm±10%; loại thẳng, có máu</p> <p>3. Kẹp phẫu tích không máu 18cm: 02 cái</p> <p>+ Dùng để kẹp mô mềm, giữ gạc, hỗ trợ khâu hoặc bóc tách mô trong phẫu thuật, thủ thuật</p> <p>+ Chất liệu: thép không gỉ</p> <p>+ Chiều dài: 16cm±10%; không máu</p> <p>4. Kẹp phẫu tích có máu 18cm: 02 cái</p>

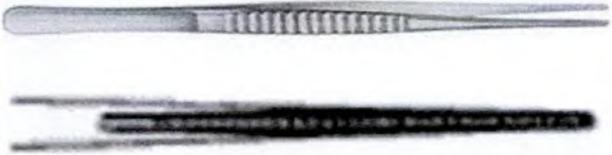
STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<p>+ Dùng để kẹp mô mềm, giữ gạc, hỗ trợ khâu hoặc bóc tách mô trong phẫu thuật, thủ thuật</p> <p>+ Chất liệu: thép không gỉ</p> <p>+ Chiều dài: 18cm±10%; có máu</p> <p>5. Kéo cong đầu nhỏ 18cm: 01 cái</p> <p>+ Dùng để cắt mô trong phẫu thuật thủ thuật</p> <p>+ Chất liệu: thép không gỉ</p> <p>+ Chiều dài: 18cm ±10%; Loại cong, đầu nhọn</p> <p>6. Kéo thẳng đầu tù 18cm: 01 cái</p> <p>+ Dùng để cắt mô trong phẫu thuật thủ thuật</p> <p>+ Chất liệu: thép không gỉ</p> <p>+ Chiều dài: 18cm±10%; Loại thẳng, đầu tù</p> <p>7. Cốc inox: 02 cái</p> <p>+ Dùng để chứa dung dịch, vật tư... trong các thủ thuật y tế</p> <p>+ Chất liệu: inox không gỉ</p> <p>+ Hình trụ tròn, đường kính 7cm ±10%, cao 7cm ±10%.</p> <p>8. Khay quả đậu: 01 cái</p> <p>+ Dùng để đựng dụng cụ phẫu thuật, chất lỏng, vật tư y tế</p> <p>+ Chất liệu inox 304 không gỉ, không nhiễm từ</p> <p>+ Cao 2cm, hình quả đậu</p> <p>9. Khay CN inox: 01 cái</p> <p>+ Dùng để đựng dụng cụ y tế</p> <p>+ Chất liệu inox 304 không gỉ,</p> <p>+ Kích thước: D32xR22xC3cm ±5%</p>

PHỤ LỤC 7: DANH MỤC DỤNG CỤ PHẪU THUẬT MỒ MỎ

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Kéo mạch máu đầu tù	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật mạch máu - Thông số kỹ thuật + Kích thước: dài 14-18 cm + Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ + Loại cán tròn, kéo cong, đầu tù - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc FDA - Yêu cầu xuất xứ: Châu Âu, G7 <p>Hình ảnh minh họa</p> 
2	Kéo mạch máu đầu nhọn	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật mạch máu - Thông số kỹ thuật + Kích thước: dài 14-18 cm + Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ + Loại cán tròn, kéo cong, đầu nhọn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc FDA - Yêu cầu xuất xứ: Châu Âu, G7
3	Kéo mở màng não	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật thần kinh, sọ não - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 11-15cm + Loại thẳng, đầu tù, mũi dài 1,5-2cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc FDA - Yêu cầu xuất xứ: Châu Âu, G7 <p>Hình ảnh minh họa</p> 

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
4	Kéo van-nas	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng để cắt mô, tổ chức trong phẫu thuật vi phẫu. - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 8-12cm + Mũi cong, đầu tù - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 CE hoặc FDA - Yêu cầu xuất xứ: Châu Âu, G7 Hình ảnh minh họa: 
5	Kéo phẫu tích mạch máu	Cái	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng để cắt mô trong phẫu thuật - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 20-25cm + Đầu tù, cán tròn, loại cong - Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485 CE hoặc FDA - Yêu cầu xuất xứ: Châu Âu, G7 Hình ảnh minh họa: 
6	Kìm cắt chỉ thép	Cái	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Dùng để cắt chỉ thép - Thông số kỹ thuật + Kích thước: dài 20-23 cm + Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ + Loại lưỡi cắt phủ TC (Tungsten Carbide), gập góc, dùng cắt chỉ thép cứng và mềm đường kính tới 2.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc FDA - Yêu cầu xuất xứ: Châu Âu, G7 Hình ảnh minh họa:

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				
7	Kìm cắt đinh loại to	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Dùng để cắt đinh - Thông số kỹ thuật + Kích thước: dài 45-48 cm + Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ + Loại Kìm cộng lực cắt đinh có đường kính tối đa 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE - Yêu cầu xuất xứ: Châu Âu, G7 Hình ảnh minh họa 
8	Kìm kẹp kim mạch máu	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật - Thông số kỹ thuật - Kích thước: 17-20 cm - Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ - Loại cán tròn, hàm phủ TC (Tungsten Carbide), hàm nhám có các bước răng 0.2mm, dùng được cho chỉ từ 10/0 tới 7/0. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc FDA - Yêu cầu xuất xứ: Châu Âu, G7 Hình ảnh minh họa 
9	Kìm mang kim vi phẫu cong	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng để kẹp kim trong phẫu thuật vi phẫu. (Kim chỉ 9/0-10/0) - Thông số kỹ thuật:

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: Hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 10-12 cm + Loại cong, Đầu nhỏ, thon, kẹp được chỉ 9-10/0, - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc FDA - Yêu cầu xuất xứ: Châu Âu, G7
10	Nĩa (Diske) mạch máu	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng kẹp mạch máu không tổn thương trong phẫu thuật, thủ thuật - Thông số kỹ thuật + Kích thước: dài 18-20 cm, mũi 1.5mm - Chất liệu: Thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc FDA - Yêu cầu xuất xứ: Châu Âu, G7 <p>Hình ảnh minh họa</p> 
11	Panh giác mạc thẳng có máu	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng để kẹp giác mạc, kết mạc trong phẫu thuật vi phẫu nhãn khoa. - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: thép không gỉ + Dài 8-12cm + Đầu nhỏ, có máu. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc FDA - Yêu cầu xuất xứ: Châu Âu, G7
12	Panh rút chỉ thẳng đầu nhỏ tròn	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng để rút chỉ trong phẫu thuật vi phẫu. - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: thép không gỉ + Dài 8-12cm + Đầu nhỏ, tròn. + Rút được chỉ 9/0 và 10/0 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Yêu cầu xuất xứ: Châu Âu, G7
13	Kìm mang kim 16cm	Cái	23	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính năng: Dùng để giữ kim khâu trong phẫu thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu hợp kim - Dài 16cm, thẳng mũi nhỏ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
14	Kim mang kim 18cm	Cái	13	1. Tính năng: Dùng để giữ kim khâu trong phẫu thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu hợp kim - Dài 18cm, thẳng mũi nhỏ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485

PHỤ LỤC 8: DANH MỤC DỤNG CỤ CHỨA Đựng

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Hộp đựng dụng cụ	Cái	3	- Tính năng: đựng các dụng cụ phẫu thuật thủ thuật, có thể hấp tiệt trùng nhiệt độ cao - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: thép không gỉ hoặc inox 304 + Kích thước: Cao*dài*rộng: $\geq 18*55*30$ cm + Có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ ít nhất 120 độ C. - Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485
2	Hộp đựng dụng cụ nội soi	Cái	5	- Tính năng: đựng các dụng cụ phẫu thuật thủ thuật, có thể hấp tiệt trùng nhiệt độ cao - Thông số kỹ thuật: + Chất liệu: thép không gỉ hoặc inox + Kích thước: Cao*dài*rộng: $\geq 18*55*30$ cm + Có thể hấp tiệt trùng ít nhất 120 độ - Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485
3	Bát kền	Cái	23	1. Tính năng: Dùng để đựng bông, cồn hoặc các dụng cụ khác trong y tế 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu inox 304 không gỉ, không nhiễm từ - Đường kính miệng 25cm $\pm 5\%$
4	Bình cầu thủy tinh 1000ml	Cái	10	1. Tính năng: Dùng để chứa hoá chất làm môi trường sản xuất cho xét nghiệm nuôi cấy và làm kháng sinh đồ 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thủy tinh, hình cầu - Dung tích 1000ml, có vạch chia
5	Cốc đong thủy tinh 100ml	Cái	5	1. Tính năng: Dùng để đựng dung dịch 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thủy tinh - Dung tích 100ml, có vạch chia, loại có mỏ
6	Cốc đong thủy tinh 50ml	Cái	5	1. Tính năng: Dùng để đựng dung dịch 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thủy tinh - Dung tích 50ml, có vạch chia, loại có mỏ
7	Hộp các loại	Cái	3	1. Tính năng: Dùng để đựng dụng cụ 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu: Inox đúc có nắp - KT: C5xR20xD30cm, hấp tiệt trùng được ở 121 độ Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: ISO 13485
8	Hộp đưa xét nghiệm	Cái	1	1. Tính năng: Dùng để đựng các mẫu xét nghiệm 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu bằng nhựa, loại có tay cầm - Có giá đựng mẫu - Chuyên đi đưa xét nghiệm máu, nước tiểu

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
9	Hộp đựng bông cotton	Cái	161	1. Tính năng: Dùng để đựng bông cotton sát khuẩn 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu inox 304 không gỉ, không nhiễm từ - Đường kính 8cm
10	Hộp đựng dụng cụ inox	Cái	4	1. Tính năng: Dùng để đựng dụng cụ hấp tiệt trùng 2. Yêu cầu kỹ thuật + Chất liệu: inox 304 + Hấp tiệt trùng được ở 121 độ + Kích thước: R18xD30xC5cm ±10%
11	Hộp đựng dụng cụ inox	Cái	3	1. Tính năng: Dùng để đựng dụng cụ hấp tiệt trùng 2. Yêu cầu kỹ thuật + Chất liệu: inox 304 + Hấp tiệt trùng được ở 121 độ + Kích thước: R23xD32xC5cm ±10%
12	Hộp đựng dụng cụ inox	Cái	3	1. Tính năng: Dùng để đựng dụng cụ hấp tiệt trùng 2. Yêu cầu kỹ thuật Hộp đựng dụng cụ + Chất liệu: inox 304 + Hấp tiệt trùng được ở 121 độ + Kích thước: R25xD40 C5cm ±10%
13	Hộp đựng lam kính	Cái	5	1. Tính năng: Dùng để đựng lam kính 2. Yêu cầu kỹ thuật - Hộp đựng lam kính được làm bằng vật liệu nhựa ABS - Kích thước: D21xR16xC3cm ±10%
14	Hộp inox tròn	Cái	1	1. Tính năng: Dùng để đựng dụng cụ hấp tiệt trùng 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu inox SUS 304 không gỉ, không nhiễm từ - Đường kính 300 mm - Có nắp đậy, có vòng thoát khí - Có thể hấp tiệt trùng được ở 121 độ C
15	Khay inox hình chữ nhật	Cái	105	1. Tính năng: Dùng để đựng dụng cụ phẫu thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu inox 304 không gỉ, không nhiễm từ - KT: 22x32cm, dày ≥ 1mm
16	Khay quả đậu	Cái	109	1. Tính năng: Dùng để đựng vật tư tiêu hao trong phẫu thuật 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu inox 304 không gỉ, không nhiễm từ - Dung tích ≥300ml, Cao ≥2cm
17	Trụ cắm panh	Cái	58	1. Tính năng: Dùng để cắm dụng cụ panh kéo 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu thép không gỉ

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
18	Hộp chống sốc	Chiếc	2	1. Tính năng: Sử dụng đựng cơ sở thuốc cấp cứu sốc phản vệ và dụng cụ y tế 2. Cấu hình, Yêu cầu kỹ thuật + Chất liệu: Inox SUS 304 + Có nắp đậy + Kích thước: (D40 x R30x C10)cm $\pm 5\%$
19	Bát Inox	Chiếc	10	- Tính năng: Sử dụng đựng dung dịch sát khuẩn hoặc dụng cụ trong phẫu thuật, thủ thuật y tế - Yêu cầu kỹ thuật: - Chất liệu inox 304 trở lên - Đường kính miệng 12 -15 cm
20	Cốc Inox to	Chiếc	10	- Tính năng: Sử dụng đựng dung dịch sát khuẩn hoặc dụng cụ trong phẫu thuật, thủ thuật y tế - Yêu cầu kỹ thuật: - Chất liệu inox 304 trở lên - Đường kính miệng 8-10cm
21	Cốc Inox nhỏ	Chiếc	10	- Tính năng: Sử dụng đựng dung dịch sát khuẩn hoặc dụng cụ trong phẫu thuật, thủ thuật y tế - Yêu cầu kỹ thuật: - Chất liệu inox 304 trở lên - Đường kính miệng 5-7 cm
22	Khay đựng dụng cụ	Chiếc	20	- Tính năng: Sử dụng đựng dụng cụ trong phẫu thuật, thủ thuật y tế - Yêu cầu kỹ thuật: + Chất liệu inox inox 304 trở lên + KT: (30x40)cm $\pm 5\%$, dày $\geq 0,8$ mm; chiều cao thành: ≥ 2 cm
23	Khay đựng dụng cụ	Chiếc	5	- Tính năng: Sử dụng đựng dụng cụ trong phẫu thuật, thủ thuật y tế - Yêu cầu kỹ thuật: + Chất liệu inox inox 304 trở lên + KT: (40x60)cm $\pm 5\%$, dày $\geq 0,8$ mm; chiều cao thành: ≥ 2 cm
24	Hộp đựng dụng cụ	Chiếc	10	- Tính năng: Sử dụng đựng dụng cụ trong phẫu thuật, thủ thuật y tế. - Yêu cầu kỹ thuật: + Chất liệu: inox 304 trở lên + Kích thước: (D30xR20xC15)cm $\pm 5\%$, có lỗ hông, có nắp (dùng khi hấp ẩm)
25	Hộp đựng dụng cụ	Cái	2	1. Tính năng: Dùng để đựng dụng cụ 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu: inox 304 - Kích thước: (D40xR20xC10)cm $\pm 5\%$

PHỤ LỤC 9: DANH MỤC DỤNG CỤ THẨM MỸ

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Curet to	Chiếc	5	- Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế. - Yêu cầu kỹ thuật: + Chất liệu hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 16 cm $\pm 5\%$ + Đầu hình oval, kích thước đầu 10mm
2	Curet nhỏ	Chiếc	5	- Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế. - Yêu cầu kỹ thuật: + Chất liệu hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 14 cm $\pm 5\%$ + Đầu hình oval, kích thước đầu 2mm
3	Curet vừa	Chiếc	5	- Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế. - Yêu cầu kỹ thuật: + Chất liệu hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 16 cm $\pm 5\%$ + Đầu hình oval, kích thước đầu 5mm
4	Móc da to	Chiếc	5	- Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế. - Yêu cầu kỹ thuật: + Chất liệu hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 16 cm $\pm 5\%$ + Đầu có móc đôi 8 - 10 mm
5	Móc da vừa	Chiếc	5	- Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế. - Yêu cầu kỹ thuật: + Chất liệu hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 16 cm $\pm 5\%$ + Đầu có móc đôi 5-8 mm
6	Móc da mí	Chiếc	5	- Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế. - Yêu cầu kỹ thuật: + Chất liệu hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 14 cm $\pm 5\%$, thanh mảnh + Đầu có móc đôi khoảng cách 2 móc cách nhau: 1,5 – 2 mm (02 chiếc); 5-8 mm (03 chiếc);
7	Lóc mũi 1 đầu	Chiếc	5	- Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế. - Yêu cầu kỹ thuật: + Chất liệu hợp kim hoặc thép không gỉ + Dài 16 cm $\pm 5\%$ + Đầu cán cầm dẹt thẳng, đầu làm việc rộng (6 ÷ 7) mm

STT	Tên dụng cụ y tế	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
8	Kim cắt đỉnh	Chiếc	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế. - Yêu cầu kỹ thuật: - Chất liệu hợp kim hoặc thép không gỉ - Cắt đỉnh Kít ne đường kính từ 1-1,8 mm